

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1100/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm
Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, đối tượng và giai đoạn lập quy hoạch

a) Phạm vi lập quy hoạch: Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của 07 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng và Hưng Yên có diện tích tự nhiên khoảng 15.591 km².

b) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Bao gồm phạm vi lập quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (07 tỉnh, thành phố) và lưu vực sông Hồng - Thái Bình.

c) Đối tượng lập quy hoạch: Hệ thống cấp nước liên vùng, liên tỉnh, liên đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn tập trung, liền kề đô thị.

d) Thời hạn lập quy hoạch: đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

2. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 phải phù hợp và kế thừa kết quả nghiên cứu của các quy hoạch sau:

+ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2014);

+ Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 (Quyết định số 1251/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ) đối với nội dung vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ;

+ Điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2016);

+ Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013); và các Quy hoạch liên quan;

+ Điều chỉnh định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016) và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan trong vùng.

- Quy hoạch cấp nước phải bảo đảm khai thác sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm và an toàn; thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn; ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm.

- Quản lý, phát triển cấp nước ổn định, bền vững trên cơ sở khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và phát triển lĩnh vực cấp nước.

- Việc khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng cấp nước trong Đồ án điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội và quy hoạch vùng duyên hải Bắc Bộ (trong phạm vi vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

- Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước từ hệ thống cấp nước tập trung.

- Xác định nhu cầu dùng nước, nguồn nước, giải pháp cấp nước, kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình cấp nước theo các giai đoạn quy hoạch; làm cơ sở để các tỉnh trong vùng điều chỉnh định hướng cấp nước và triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Đến năm 2030:

+ Các đô thị, khu công nghiệp được cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn, tỷ lệ bao phủ dịch vụ cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung tại các đô thị đạt 95 - 100% với tiêu chuẩn cấp nước bình quân đạt 120 l/người/ngày đêm, chất lượng nước đạt quy chuẩn quy định;

+ Khu vực dân cư nông thôn tập trung, liền kề đô thị sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 85 – 90% với tiêu chuẩn cấp nước 90 l/người/ngày đêm.

- Khu vực dân cư nông thôn tập trung, liền kề đô thị sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 85 - 90%, với tiêu chuẩn cấp nước 90 l/người/ngày đêm.

- Định hướng đến năm 2050, đáp ứng mọi nhu cầu và bảo đảm cấp nước an toàn cho sinh hoạt và sản xuất của đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, liền kề đô thị.

4. Nội dung nghiên cứu lập quy hoạch

a) Thực trạng điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống cấp nước:

- Điều tra, khảo sát, thu thập số liệu và đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tình hình phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, khu công nghiệp và ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Rà soát việc triển khai thực hiện “Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020” (đối với phạm vi vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ).

- Điều tra, khảo sát và đánh giá tổng hợp hiện trạng các nguồn cấp nước của vùng (về trữ lượng và chất lượng nguồn nước; khả năng khai thác nguồn nước phục vụ cấp nước), các công trình cấp nước (nhà máy nước, mạng lưới đường ống,...), hiện trạng sử dụng nước (khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu vực dân cư nông thôn).

- Rà soát ảnh hưởng của tác động biến đổi khí hậu đến việc khai thác và sử dụng nguồn nước (nước mặt và nước ngầm); đặc biệt nước mặt đối với sông Hồng, sông Thái Bình và các nhánh hệ thống sông sử dụng làm nguồn nước.

b) Dự báo nhu cầu cấp nước:

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng nước theo loại đô thị, khu công nghiệp phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn và khả năng nguồn cấp nước.

- Dự báo nhu cầu sử dụng nước toàn vùng theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Xác định mối quan hệ liên vùng về nguồn nước, hệ thống cấp nước.

- Tham khảo kinh nghiệm quốc tế, trong nước về đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước quy mô liên tỉnh, liên đô thị.

c) Xác định nguồn cấp nước, phân vùng cấp nước và phương án quy hoạch cấp nước:

- Ưu tiên đối với nguồn nước mặt từ hệ thống sông Hồng - Thái Bình, hồ thủy điện Hòa Bình, hồ Núi Cốc...; hạn chế khai thác nguồn nước ngầm; đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến các nguồn cấp nước.

- Phân vùng cấp nước; xác định vị trí, quy mô công suất, phạm vi phục vụ các nhà máy nước cấp vùng (hiện hữu, đóng cửa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới).

- Xác định các tuyến ống cấp nước liên vùng, giải pháp cấp nước theo phân vùng cấp nước, các địa phương trong vùng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các công trình đầu mối cấp nước.

- Đề xuất mô hình đầu tư, quản lý vận hành các công trình cấp nước quy mô liên vùng, liên đô thị.

d) Đánh giá môi trường chiến lược: lồng ghép trong báo cáo quy hoạch.

đ) Xác định dự án ưu tiên đầu tư, khái toán tổng kinh phí, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và mô hình tổ chức thực hiện.

e) Giải pháp thực hiện:

- Đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách phát triển cấp nước vùng, thu hút các nguồn lực đầu tư hệ thống cấp nước vùng.

- Đề xuất công nghệ xử lý nước hiện đại, phù hợp với loại nguồn nước (nước mặt, nước ngầm), phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Đề xuất giải pháp thực hiện liên kết vùng trong đầu tư, quản lý vận hành hệ thống cấp nước vùng liên tỉnh, liên đô thị.

- Đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn đối với các công trình cấp nước.

5. Thành phần hồ sơ:

a) Bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ	Quy cách bản vẽ		
			Màu (báo cáo)	Màu (lưu)	Thu nhỏ
1	Bản đồ vị trí và mối liên hệ vùng	1/250.000- 1/500.000	x	x	x

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ	Quy cách bản vẽ		
			Màu (báo cáo)	Màu (lưu)	Thu nhỏ
2	Bản đồ hiện trạng cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1/100.000	x	x	x
3	Bản đồ đánh giá các nguồn cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1/100.000 - 1/250.000	x	x	x
4	Bản đồ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1/100.000	x	x	x
5	Bản đồ hiện trạng môi trường vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1/100.000	x	x	x
6	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	1/100.000	x	x	x
7	Bản đồ, bản vẽ khác có liên quan (sơ đồ, bảng biểu,... về quản lý, thực trạng và định hướng cấp nước)		x	x	x

b) Thuyết minh tổng hợp, thuyết minh tóm tắt, dự thảo tờ trình và quyết định phê duyệt quy hoạch.

c) Đĩa CD lưu toàn bộ nội dung đồ án quy hoạch.

6. Tổ chức thực hiện

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ.

- Cơ quan thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch: Bộ Xây dựng.

- Thời gian lập quy hoạch: 09 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 được phê duyệt.

Điều 2. Giao Bộ Xây dựng thẩm định dự toán chi phí và bố trí nguồn vốn lập Đồ án quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thành ủy, Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, ~~TGD Công TTĐT~~, các Vụ: KTTH, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2)-XH *yk*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng